

THÔNG BÁO

Chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao chỉ tiêu biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động cho các cơ quan, đơn vị năm 2018, Sở Nội vụ thông báo chỉ tiêu cụ thể của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2018 như sau:

1. Hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **114** chỉ tiêu. Trong đó:
 - Hành chính: 49 chỉ tiêu (giảm 02 chỉ tiêu);
 - Sự nghiệp khác: 58 chỉ tiêu (tăng 13 chỉ tiêu);
 - Hợp đồng theo ND68: 07 chỉ tiêu;
2. Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **188** chỉ tiêu (tăng 08 chỉ tiêu).

Các chỉ tiêu được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị như sau:

Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó			Hưởng lương từ nguồn thu SN	Ghi chú
		Hành chính	Sự nghiệp khác	Hợp đồng ND68		
Cơ quan Văn phòng Sở	32	30		2		Giảm 01 BCHC do thực hiện tinh giản biên chế
Chi cục Bảo vệ môi trường	12	11		1		Giảm 01 BCHC do thực hiện tinh giản biên chế
Chi cục Biển, Hải đảo và Khí tượng Thủy văn	9	8		1		
Trung tâm Công nghệ Thông tin TN&MT	21		8	1	12	
Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	41				41	Tăng 02 chỉ tiêu hưởng lương từ nguồn thu SN
Văn phòng Đăng ký đất đai	109		50	2	57	Tăng 14 chỉ tiêu SN khác do tăng khối lượng công việc và giảm 01 chỉ tiêu SN khác do thực hiện tinh

Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
		Hành chính	Sự nghiệp khác	Hợp đồng ND68	Hưởng lương từ nguồn thu SN	
						giảm biên chế
Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	51				51	
Trung tâm Phát triển quỹ đất	27				27	Tăng 06 chỉ tiêu hưởng lương từ nguồn thu SN
Cộng:		49	58	07	188	

Sở Nội vụ đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Rà soát, sắp xếp lại các phòng chuyên môn, chi cục và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo đúng Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ biên chế được giao và đề án tinh giản biên chế đã được UBND tỉnh phê duyệt:

+ Lập kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm cần tuyển, gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 30/3/2018** (nếu có) để tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2018 của tỉnh và thống nhất việc xét tuyển viên chức năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định (theo biểu mẫu 1A, 2A đính kèm).

+ Lập kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019, gửi về Sở Nội vụ (kèm theo file mềm qua địa chỉ: sonoivu@quangtri.gov.vn) **trước ngày 31/5/2018** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; trong đó giải thích rõ việc tăng, giảm biên chế hành chính, sự nghiệp (theo biểu mẫu 1B, 2B đính kèm).

+ Lập hồ sơ của đối tượng tinh giản biên chế theo Hướng dẫn số 303/HDL-SNV-STC ngày 30/6/2015 của Sở Nội vụ, Sở Tài chính về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, gửi về Sở Nội vụ thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền.

- Chấm dứt hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ đối với những vị trí việc làm thuộc tổ chức hành chính.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã sử dụng hết số biên chế sự nghiệp được giao, không hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ; không áp dụng ký hợp đồng lao động để thay cho việc tuyển dụng. / *h*

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu VT, TCBC, CCVC, TT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Ngọc An



CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2018


(Kèm theo Tờ trình số:..... ngàythángnăm 2018 của)

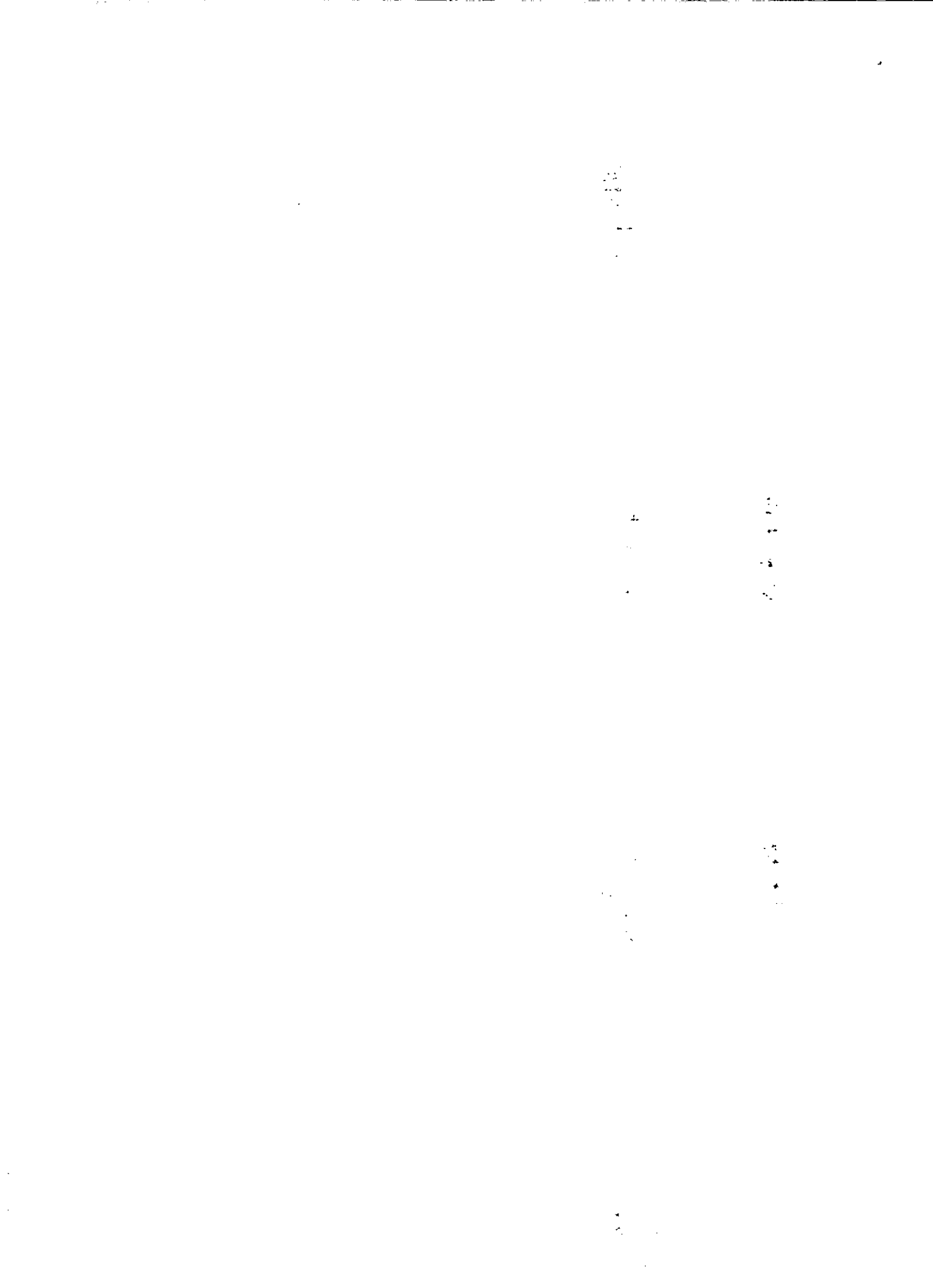
Căn cứ Thông báo số /TB-SNV ngày/...../2018 của Sở Nội vụ về Chi tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp của năm 2018

Cơ quan/ Đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng Công chức năm 2018 như sau:

STT	Cơ quan/ Đơn vị	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2018	Công chức hiện có		Kế hoạch tuyển dụng Công chức năm 2018				Hình thức tuyển dụng	Đối tượng xét tuyển	Ghi chú
			Vị trí việc làm	Số người	Số lượng	Chức danh cần tuyển	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ đào tạo			
1											
2											
...											
	Tổng cộng										

Nơi nhận:
 -;
 - Lưu: VT,

Quảng Trị, ngày tháng năm 20.....
CHỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ (GIÁM ĐỐC, CHỦ TỊCH 
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

(Kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm 2018 của)

Căn cứ Thông báo số /TB-SNV ngày/...../2018 của Sở Nội vụ về Chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp của năm 2018
Cơ quan/ Đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng Viên chức năm 2018 như sau:

STT	Cơ quan/ Đơn vị	Chỉ tiêu số người làm việc được giao năm 2018	Số CC, VC có mặt đến ngày/...../2018	Kế hoạch tuyển dụng Viên chức năm 2018				Hình thức tuyển dụng	Đối tượng xét tuyển	Ghi chú
				Số lượng	Chức danh cần tuyển	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ đào tạo			
1										
2										
...										
	Tổng cộng									

Nơi nhận:
-;
- Lưu: VT,

Quảng Trị, ngày tháng năm 20.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ (GIÁM ĐỐC, CHỦ TỊCH) *u*
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

BIỂU SỐ 1B

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao năm 2018				Có mặt đến 31/5/2018				Kế hoạch biên chế năm 2019			Tăng giảm giữa kế hoạch BC năm 2019 so với BC được giao năm 2018				
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LD theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức theo chức vụ lãnh đạo	Công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LD theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LD theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LD theo ND 68/2000/ND-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng cộng																		
A	Cấp tỉnh		0				0								0	0	0	0
I	Tên sở, ban ngành.....		0				0								0	0	0	0
1	Lãnh đạo sở, ban, ngành...		0				0								0	0	0	0
2	Phòng i		0				0								0	0	0	0
3		0				0								0	0	0	0
4	Phòng n		0				0								0	0	0	0
5	Chi cục....		0				0								0	0	0	0
5.1	Lãnh đạo Chi cục		0				0								0	0	0	0
5.2	Phòng l		0				0								0	0	0	0
5.3	...		0				0								0	0	0	0
5.4	Phòng n		0				0								0	0	0	0
B	Cấp huyện:		0				0								0	0	0	0
1	Lãnh đạo huyện		0				0								0	0	0	0
2	Văn phòng UBND huyện		0				0								0	0	0	0
3	Phòng Nội vụ		0				0								0	0	0	0
4		0				0								0	0	0	0
5		0				0								0	0	0	0
n	Các tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức		0				0								0	0	0	0

Người lập biểu

Thủ trưởng (sở, ban, ngành, UBND cấp huyện)
(ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

BIỂU SỐ 2B

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HUẾNG NĂM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

STT	Tên đơn vị	Kinh phí hoạt động (ghi: ngân sách nhà nước cấp 100% hoặc tự đảm bảo một phần hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên)	Biên chế được giao năm 2018					Công chức, viên chức có mặt đến 30/6/2018					Kế hoạch biên chế năm 2019					Tăng giảm biên chế giữa kế hoạch 2019 với số giao năm 2018 (tăng (+), giảm (-))				
			Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức		Hợp đồng ND68/CP	Tổng số	Công chức	Viên chức		Hợp đồng ND68/CP	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức		Hợp đồng ND68/CP	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức		Hợp đồng ND68/CP
					Huếng lương từ ngân sách	Huếng lương từ nguồn thu ĐV				Huếng lương từ ngân sách	Huếng lương từ nguồn thu ĐV				Huếng lương từ ngân sách	Huếng lương từ nguồn thu ĐV						
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	Tổng cộng																					
I	Trường Cao đẳng.....																					
III	Tên Sở, ban, ngành...																					
1	Tên đơn vị a.....																					
2																						
3	Tên đơn vị n.....																					
III	Huyện.....																					
1	Tên đơn vị a.....																					
2																						
3	Tên đơn vị n.....																					

Người lập biểu

Thủ trưởng (sở, ban, ngành, UBND cấp huyện)
(ký tên, đóng dấu)